

**ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN**  
**Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh đồng chí Võ Văn Kiệt**  
**(23/11/1922 - 23/11/2022)**

-----

**I. KHÁI LƯỢC TIỂU SỬ VÀ QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG CỦA ĐỒNG CHÍ VÕ VĂN KIẾT**

Đồng chí Võ Văn Kiệt tên thật là Phan Văn Hòa, bí danh Sáu Dân, sinh ngày 23/11/1922 tại xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, trong một gia đình nông dân nghèo. Sinh ra và lớn lên trên mảnh đất giàu truyền thống văn hiến, yêu nước, đấu tranh chống áp bức cường quyền, nên khi tuổi đời còn rất trẻ, Đồng chí đã sớm hình thành tư tưởng yêu nước, giác ngộ cách mạng.

Năm 1938, khi mới 16 tuổi, Võ Văn Kiệt đã tham gia hoạt động cách mạng trong phong trào Thanh niên phản đế. Tháng 11/1939, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương; tháng 11/1940, được cử làm Bí thư Chi bộ xã Trung Hiệp, Huyện ủy viên huyện Vũng Liêm và tham gia lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ ở huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Sau Khởi nghĩa Nam Kỳ, Đồng chí được điều động về hoạt động tại vùng U Minh thuộc tỉnh Rạch Giá (Kiên Giang).

Từ năm 1941 - 1945, trên cương vị Tỉnh ủy viên tỉnh Rạch Giá, Đồng chí đã tham gia xây dựng lực lượng cách mạng, bảo vệ căn cứ địa U Minh trở thành đầu não chỉ huy cách mạng của các tỉnh miền Tây Nam Bộ, góp phần vào thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Sau ngày Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, đồng chí Võ Văn Kiệt được cử làm Ủy viên Chính trị dân quân cách mạng Liên tỉnh Tây Nam Bộ, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy Rạch Giá, rồi Phó Bí thư Tỉnh ủy Rạch Giá, tham gia lãnh đạo Nhân dân các tỉnh miền Tây Nam Bộ: Rạch Giá, Bạc Liêu, Cà Mau... tiến hành cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược.

Giữa năm 1949, Đồng chí được điều về làm Phó Bí thư, rồi Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu, trực tiếp chỉ đạo cuộc chiến đấu của đồng bào, góp phần tích cực vào thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của Nhân dân ta.

Sau Hiệp định Giơnevơ (1954), Đồng chí được phân công bí mật ở lại miền Nam, hoạt động tại các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, vùng cực Nam của Tổ quốc. Năm 1955, Đồng chí được bầu làm Ủy viên dự khuyết Xứ ủy Nam Bộ, Phó Bí thư Liên Tỉnh ủy miền Tây, sát cánh bên cạnh đồng chí Lê Duẩn, góp phần xây dựng Đề cương cách mạng miền Nam. Năm 1959, Đồng chí được điều về Khu Sài Gòn - Gia Định (T.4), làm Bí thư Khu ủy.

Năm 1960, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, Đồng chí được bầu làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng; là Ủy viên Trung ương Cục miền Nam; tiếp tục làm Bí thư Khu ủy T.4 (Sài Gòn - Gia Định) cho đến cuối năm 1969, rồi Bí thư Khu ủy Khu 9 (Tây Nam Bộ), Bí thư Quân khu ủy Quân khu 9 đến năm 1973. Năm 1972, Đồng chí được bầu làm Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Từ năm 1973 - 1975, đồng chí Võ Văn Kiệt được điều về công tác ở Trung ương Cục, trên cương vị là Ủy viên Thường vụ Trung ương Cục miền Nam.

Trong chiến dịch giải phóng Sài Gòn, Đồng chí được Trung ương Cục phân công làm Ủy viên Ban cán sự Đảng ủy đặc biệt của Chiến dịch Hồ Chí Minh và Bí thư Ủy ban Quân quản Thành phố.

Sau ngày Tổ quốc thống nhất, Đồng chí được phân công làm Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1976, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, đồng chí Võ Văn Kiệt được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương và được bầu làm Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị và được phân công làm Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 3/1982, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, Đồng chí tiếp tục được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương và bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị; tháng 4/1982, được Quốc hội phê chuẩn làm Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

Tháng 12/1986, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, đồng chí Võ Văn Kiệt được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được Ban Chấp hành Trung ương bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị. Kỳ họp thứ nhất (Quốc hội khóa VIII), Đồng chí được bầu lại làm Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6/1991), đồng chí Võ Văn Kiệt tiếp tục được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị. Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VIII, Đồng chí được Quốc hội phê chuẩn giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Đến kỳ họp thứ chín Quốc hội khóa VIII (tháng 8/1991), Đồng chí được Quốc hội bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa IX (tháng 10/1992) đồng chí Võ Văn Kiệt được bầu làm Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh cho đến năm 1997.

Tháng 6/1996, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, đồng chí Võ Văn Kiệt tiếp tục được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương, được Trung ương bầu vào Bộ Chính trị và được cử làm Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị.

Từ tháng 12/1997 - 4/2001, do tuổi cao, Đồng chí xin rút khỏi Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương và được Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII cử làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đồng chí là Đại biểu Quốc hội các khóa VI, VIII và IX.

Đồng chí từ trần vào lúc 7 giờ 40 phút ngày 11/6/2008, hưởng thọ 86 tuổi.

Do công lao to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, uy tín lớn trong và ngoài nước, đồng chí Võ Văn Kiệt đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng và nhiều huân, huy chương cao quý khác. Cuộc đời Đồng chí là tấm gương sáng để đồng bào, cán bộ, chiến sĩ cả nước yêu quý, kính trọng và mãi mãi noi theo.

## **II. NHỮNG CÔNG HIẾN TO LỚN, QUAN TRỌNG CỦA ĐỒNG CHÍ VÕ VĂN KIỆT ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG VÀ DÂN TỘC**

### **1. Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta**

Cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Võ Văn Kiệt gắn liền với lịch sử đấu tranh cách mạng hào hùng của Đảng và dân tộc ta. Thời thơ ấu và niên thiếu vất vả, bươn trải đã hun đúc ý chí giải phóng dân tộc, bản lĩnh của Võ Văn Kiệt. Khi 16 tuổi, Đồng chí đã giác ngộ cách mạng, tham gia phong trào Thanh niên phản đế và trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương khi mới 17 tuổi.

Khởi nghĩa Nam Kỳ bùng nổ, ở tuổi 18, Đồng chí được giao làm Bí thư Chi bộ xã Trung Hiệp, Huyện ủy viên huyện Vũng Liêm, lãnh đạo Nhân dân nổi dậy cướp chính quyền ở huyện lỵ Vũng Liêm. Tuy khởi nghĩa thất bại nhưng trong quá trình hoạt động cách mạng, Đồng chí đã bắt đầu bộc lộ tư chất của một tài năng lớn.

Trên cương vị Tỉnh ủy viên lâm thời tỉnh Rạch Giá, Đồng chí thường xuyên bám địa bàn, bám đất, bám dân, nhiều lần đối mặt với cái chết trong gang tấc, xây dựng cơ sở cách mạng, huấn luyện lực lượng quân sự, mở rộng và phát triển căn cứ địa U Minh trở thành đầu não chỉ huy kháng chiến của các tỉnh miền Tây Nam Bộ, góp phần cùng các địa phương trong cả nước làm nên thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Khi thực dân Pháp tái chiếm Nam Bộ, trên cương vị Ủy viên Chính trị dân quân cách mạng Liên tỉnh miền Tây, đồng chí Võ Văn Kiệt được phân công trực tiếp lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở các tỉnh Rạch Giá, Bạc Liêu. Dấu chân của Đồng chí đã in khắp các chiến trường miền Tây Nam Bộ. Bằng

trí tuệ, hoạt động chỉ đạo của mình, Đồng chí đã góp phần tích cực vào thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của Nhân dân ta.

Sau Hiệp định Giơnevơ (7/1954), đồng chí Võ Văn Kiệt được Đảng phân công bí mật ở lại miền Nam, hoạt động bên cạnh đồng chí Lê Duẩn - Bí thư Xứ ủy, tiếp tục chỉ đạo phong trào cách mạng miền Nam. Trong tình thế khó khăn của cách mạng miền Nam khi đó, đồng chí Võ Văn Kiệt đã thể hiện bản lĩnh vững vàng, bám sát địa bàn, chỉ đạo cơ sở đấu tranh với kẻ thù. Với sự nhạy cảm của một nhà hoạt động cách mạng lão luyện, Đồng chí có những nhận định hết sức đúng đắn về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, kịp thời đề ra những đối sách, chỉ đạo phong trào cách mạng.

Xuất phát từ thực tiễn nóng bỏng của cách mạng miền Nam, nắm bắt yêu cầu, nguyện vọng đấu tranh của quần chúng, đồng chí Võ Văn Kiệt đã có những ý kiến đề xuất với đồng chí Lê Duẩn, góp phần bổ sung cơ sở lý luận và thực tiễn cho bản Đề cương cách mạng miền Nam, để từ đó Đảng ta nghiên cứu, hoàn thiện cho ra đời Nghị quyết 15 lịch sử, thổi bùng lên phong trào Đồng khởi, tạo bước ngoặt quan trọng của cách mạng miền Nam.

Từ cuối năm 1959 đến đầu năm 1970, dưới sự chỉ đạo của Khu ủy T.4, đứng đầu là Bí thư Võ Văn Kiệt, quân và dân Sài Gòn - Gia Định đã anh dũng chiến đấu lập nhiều chiến công vang dội; góp phần vào thắng lợi chung của Nhân dân cả nước, buộc đế quốc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán và ký Hiệp định Paris (1/1973), rút quân đội ra khỏi miền Nam, tạo ra cục diện mới cho cách mạng miền Nam.

Sau Hiệp định Paris, trên cương vị là Ủy viên Thường vụ Trung ương Cục miền Nam, Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy Quân khu 9, đồng chí Võ Văn Kiệt đã chỉ đạo Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu đưa ra những quyết định mang tính lịch sử “Đánh địch lấn chiếm, giữ đất giữ dân”; không chấp nhận ngừng bắn khi chính quyền Sài Gòn đã vi phạm Hiệp định Paris; kiên quyết, chủ động và liên tục tiến công địch trên các mặt trận, cả nông thôn và thành thị. Với quyết định đúng đắn và rất sáng tạo đó, chỉ trong thời gian ngắn, quân và dân Khu 9 đã làm thất bại âm mưu lấn chiếm của địch, mở rộng thêm nhiều vùng giải phóng, tạo nên thế và lực mới rất quan trọng, là một trong những cơ sở để Đảng ta đưa ra quyết định phát động cuộc tổng tiến công và nổi dậy giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Mùa Xuân năm 1975, trong chiến dịch giải phóng Sài Gòn, trên cương vị Ủy viên Đảng ủy đặc biệt của Chiến dịch Hồ Chí Minh, Đồng chí đã cùng Bộ Tư lệnh chiến dịch, chỉ huy năm cánh quân thần tốc tiến vào thành phố, phối hợp với sự nổi dậy của Nhân dân, buộc chính quyền Sài Gòn phải đầu hàng vô điều kiện, hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau ngày đất nước thống nhất, trên cương vị Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh rồi Bí thư Thành ủy, Đồng chí đã cùng lãnh đạo Thành phố đưa ra những quyết sách hết sức năng động, phù hợp với tình hình thực tiễn, từng bước tháo gỡ khó khăn, đưa Thành phố dần đi vào ổn định để rồi sau đó trở thành đầu tàu kinh tế của cả nước. Đã có lúc người ta đặt cho đồng chí Võ Văn Kiệt nhiều cái tên như “Chủ tịch gạo”, “Bí thư phá rào” để thấy những quyết định của Đồng chí không rập khuôn, giáo điều, thể hiện sự tìm tòi, sáng tạo, năng động, bám sát yêu cầu của thực tiễn cách mạng, có tầm ảnh hưởng lớn đối với đất nước, với Nhân dân.

Sau này, trên các cương vị Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Đồng chí luôn hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ mà Đảng và Nhân dân giao phó. Xuất phát từ tấm lòng vì nước, vì dân, trước khi đưa ra một quyết định quan trọng nào, đặc biệt là những quyết định có tác động, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế đất nước và đời sống Nhân dân, Đồng chí đều chú trọng tập hợp và lắng nghe các chuyên gia, nhà khoa học và tự mình bỏ nhiều công sức nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm tích lũy từ cuộc sống của mọi tầng lớp Nhân dân. Chính vì vậy, khi vận dụng vào chỉ đạo thực tiễn, những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đã nhận được sự đồng thuận “ý Đảng, lòng dân”; phát huy hiệu quả, góp phần đưa sự nghiệp đổi mới của đất nước ta đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

Với tính cách nổi bật là sâu sát thực tế, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, sẵn sàng dấn thân cho cái mới, đồng chí Võ Văn Kiệt đã động viên được nhiều lực lượng xã hội tham gia vào công cuộc đổi mới toàn diện và sâu sắc của Đảng và Nhà nước. Đồng chí đã có nhiều đóng góp về lý luận và thực tiễn để xóa bỏ cơ chế kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp, hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới đất nước. Đồng chí Võ Văn Kiệt có những quyết định táo bạo và là người chỉ đạo thực hiện nhiều dự án quan trọng như: Thủy điện Trị An; công trình thủy lợi đào kênh T5 đưa nước lũ thoát ra biển Tây; khai phá Đồng Tháp Mười và tứ giác Long Xuyên, ngọt hóa bán đảo Cà Mau; công trình đường dây tải điện 500KV Bắc - Nam; đường Bắc Thăng Long - Nội Bài; đường Hồ Chí Minh; Nhà máy lọc dầu Dung Quất và phát triển ngành dầu khí, viễn thông, hàng không, xây dựng các khu công nghệ cao Hòa Lạc; công viên phần mềm Quang Trung; Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam... Tất cả nói lên tâm huyết và những nỗ lực phi thường của đồng chí Võ Văn Kiệt trong tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, để lại “dấu ấn Võ Văn Kiệt” góp phần xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước, đồng thời thể hiện tầm nhìn, trí tuệ của một nhà lãnh đạo xuất sắc.

Đồng chí Võ Văn Kiệt luôn cho rằng, lãnh đạo đất nước phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân là tiền đề để đất nước giữ vững ổn định về chính trị - xã hội và mở rộng đối ngoại. Trên cương vị Thủ tướng Chính phủ, Đồng chí đã cùng tập thể Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương thực hiện đường lối ngoại giao rộng mở, thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc và Mỹ, đa phương hóa, đa dạng hóa trong quan hệ quốc tế, thiết lập sự liên kết kinh tế khu vực và thế giới (với ASEAN, Nhật Bản và EU...), khơi dậy và phát huy tất cả các nguồn lực ấy để giành được nhiều nhất lợi ích cho dân tộc mình trong tư thế độc lập, tự chủ, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, phá vỡ thế bao vây, cấm vận, đưa sự nghiệp cách mạng luôn tiến lên phía trước.

Sau khi rời cương vị Thủ tướng Chính phủ (8/1997), đồng chí Võ Văn Kiệt vẫn dành nhiều tâm huyết, trí tuệ cống hiến cho Đảng, cho đất nước. Với vai trò Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Đồng chí đã dồn hết nghị lực và tâm trí cho công cuộc xây dựng Đảng, với nhiều kiến nghị cụ thể, tâm huyết trong các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc, cũng như trong nhiều sinh hoạt quan trọng của Đảng, góp phần thiết thực vào công tác đổi mới và chỉnh đốn Đảng, để Đảng ta xứng đáng là đội ngũ tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của cả dân tộc, đáp ứng niềm tin của Nhân dân.

## **2. Người cộng sản tiêu biểu cho tinh thần không ngừng rèn luyện, học hỏi, năng động và sáng tạo**

Ngay từ nhỏ, Võ Văn Kiệt đã bộc lộ tư chất thông minh, hiếu học, nhưng do hoàn cảnh gia đình nghèo túng, Đồng chí không có điều kiện theo học tại các trường lớp. Tuy nhiên, với trí tuệ thông minh, cùng với nghị lực phi thường, Đồng chí không ngừng trau dồi kiến thức và lý luận cách mạng. Có thể nói, đồng chí Võ Văn Kiệt là tấm gương sáng ngời về tinh thần tự học cầu tiến, đặc biệt là học từ thực tiễn cách mạng để trưởng thành cả về nhận thức lý luận và bản lĩnh cách mạng.

Ngay cả những năm tháng kháng chiến ác liệt, mỗi khi rảnh rỗi, Đồng chí đều tranh thủ đọc sách, báo, tài liệu, ghi chép, học hỏi kinh nghiệm từ các đồng chí lãnh đạo, từ những trí thức yêu nước và cả cấp dưới của mình. Sau khi đất nước thống nhất, dù giữ chức vụ cao, rất bận rộn với công việc, nhưng Đồng chí vẫn thường xuyên nghiên cứu, học tập để nâng tầm hiểu biết. Theo Đồng chí, cần tôn trọng những người có bằng cấp, tôn trọng và lắng nghe trí thức, nhưng Đồng chí cũng cho rằng việc học không vì bằng cấp mà học là để đem những kiến thức mới vận dụng vào thực tiễn cuộc sống, nhất là để phục vụ sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc. Cách mạng là sáng tạo, sự nghiệp cách mạng đòi hỏi người cán bộ lãnh đạo phải có khả năng tổng kết thực tiễn, phát hiện cái mới và nhân rộng cái

mới. Tinh thần ham học, ham đọc của Đồng chí gần gũi một cách tự nhiên với phẩm chất năng động và sáng tạo, nhạy bén với cái mới, cái tiến bộ.

Năm 1993, Thủ tướng Võ Văn Kiệt thành lập Tổ chuyên gia tư vấn về cải cách kinh tế và cải cách hành chính để tham khảo ý kiến khi hoạch định những chính sách lớn. Bằng năng lực trí tuệ sắc sảo và trực giác mãnh liệt của mình, Đồng chí đã nắm bắt cái thần, cốt lõi của những vấn đề phức tạp, trên cơ sở đó, đã đưa ra những quyết định táo bạo và chính xác.

Là nhà lãnh đạo, nhà hoạt động thực tiễn trong Nhân dân, chú ý nghiên cứu thực tiễn đất nước, sâu sát cơ sở; có năng lực tổng kết thực tiễn, phát hiện cái mới, dám quyết định và dám chịu trách nhiệm, đồng chí Võ Văn Kiệt đã đóng góp cho Đảng nhiều chủ trương, chính sách sáng tạo, góp phần đưa đất nước vượt qua thời điểm gay gắt, khó khăn, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cải thiện đời sống Nhân dân, tăng cường xây dựng hệ thống chính trị, giữ vững quốc phòng - an ninh, không ngừng mở rộng quan hệ đối ngoại và nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế.

### **3. Tầm gương cộng sản kiên trung, suốt đời vì nước, vì dân, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh**

Đồng chí Võ Văn Kiệt là một người cộng sản luôn đặt lợi ích của Nhân dân, của Tổ quốc lên trên hết, trước hết. Suy nghĩ và việc làm của Đồng chí luôn thể hiện sự trăn trở của một công dân, của một nhà lãnh đạo, người đứng đầu Chính phủ đau đáu vì tiền đồ phát triển của đất nước. Đồng chí không say sưa với những thắng lợi, mà luôn tìm tòi theo cách nghĩ khám phá, đột phá, sáng tạo. Mỗi khi nhắc tới cuộc đấu tranh đầy hy sinh, gian khổ, khó khăn vì độc lập, tự do của Tổ quốc, Đồng chí luôn trăn trở Đảng phải làm gì cho dân để đáp ứng lại sự hy sinh to lớn và vô giá đó.

Đồng chí luôn day dứt về nguy cơ tụt hậu của đất nước, về sự tăng trưởng bền vững của nước nhà, làm sao phát huy được tiềm năng sẵn có trong Nhân dân để tận dụng cơ hội, bứt phá đưa đất nước phát triển nhanh hơn. Với tầm nhìn xa, tư tưởng nhân văn, đoàn kết, hòa hợp, chủ động khép lại quá khứ chiến tranh và hướng tới tương lai, đồng chí Võ Văn Kiệt đã góp phần tạo sự ổn định và phát triển mạnh mẽ của đất nước.

Tầm nhìn, cách suy nghĩ và hành động của Thủ tướng Võ Văn Kiệt là tầm nhìn vượt thời đại. Hơn nửa thời gian cuộc đời hoạt động cách mạng, kinh qua hai cuộc chiến tranh, nhưng đồng chí Võ Văn Kiệt đã sớm nhìn thấy xu thế vận động của thế giới trong kỷ nguyên toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Đồng chí thường nói đổi mới là sáng tạo, là biết khai thác, phát huy thế mạnh của đất nước, dân tộc, lịch sử, văn hóa và con người Việt Nam, vượt qua những trở lực về tư duy cũ kỹ,

lạc hậu và phong cách lãnh đạo quan liêu, đem lại chất lượng cao cho công cuộc đổi mới và chủ nghĩa xã hội.

Xuất phát từ tấm lòng yêu nước, trọng dân, thương dân, lòng tự hào dân tộc sâu sắc, đồng chí Võ Văn Kiệt chủ động đến với Nhân dân để hiểu dân, học dân, hỏi dân, bàn bạc với dân và tìm ra cách làm có hiệu quả nhất. Đồng chí không nói nhiều, viết nhiều về tư tưởng Hồ Chí Minh, nhưng toàn bộ cuộc đời hoạt động cách mạng của Đồng chí tỏ rõ sự thấm nhuần về tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người, biểu hiện rõ nhất là không giáo điều, rập khuôn, máy móc; miệng nói tay làm, nói ít làm nhiều, lấy hiệu quả thực tiễn làm thước đo. Đồng chí Võ Văn Kiệt đã làm đúng tinh thần lời dạy của Bác Hồ, người cán bộ khi nhận nhiệm vụ do Nhân dân ủy thác thì phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh quốc dân ra trước mặt trận.

Đồng chí Võ Văn Kiệt luôn tuyệt đối trung thành với mục tiêu lý tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trung thành và kiên định Chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Theo Đồng chí, nội hàm của mọi khái niệm lý luận không đứng im, bất biến mà đều vận động và được bổ sung bằng thực tiễn phát triển của lịch sử. Qua đó có thể thấy tư duy chính trị của đồng chí Võ Văn Kiệt là toàn diện, sâu sắc, nhạy bén và có tầm chiến lược. Tâm nguyện của đồng chí Võ Văn Kiệt là: một dân tộc đã trải qua bao gian khổ, hy sinh, mất mát để giành lại độc lập, thống nhất cho Tổ quốc, dân tộc ấy phải được sống hạnh phúc trong độc lập và tự do, được hưởng "công bằng, dân chủ, văn minh" như mọi dân tộc tiên tiến trên thế giới. Đó là tấm lòng yêu nước thương dân, chủ nghĩa nhân văn cao cả và sâu sắc của Đồng chí, một phẩm chất mà Đồng chí đã suốt đời rèn luyện, noi theo Chủ tịch Hồ Chí Minh - người thầy vĩ đại và tôn kính của mình. Đồng chí là hình ảnh cao đẹp về một nhà lãnh đạo đã giành được chiến thắng trước những thử thách khốc liệt, đầy cám dỗ của kinh tế thị trường, để mãi mãi là một người cộng sản chân chính trong trái tim của Nhân dân.

\*\*\*

Đồng chí Võ Văn Kiệt với 86 tuổi đời, 69 tuổi Đảng, đã có những cống hiến to lớn cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc. Cả cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Võ Văn Kiệt luôn tận trung với nước, tận hiếu với dân, sống giản dị, khiêm tốn, luôn đặt lợi ích của Đảng, của đất nước, của Nhân dân lên trên hết; là một tấm gương tiêu biểu, mẫu mực về đạo đức cách mạng: cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư; một người cộng sản chân chính với trái tim nhân hậu mãi mãi ở trong lòng Nhân dân ta và bạn bè quốc tế.

Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh đồng chí Võ Văn Kiệt đúng vào dịp toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đang ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và các nghị quyết của Trung ương, đặc



biệt là Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về *đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”*, nhằm tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đây là đợt sinh hoạt chính trị có ý nghĩa sâu sắc để tôn vinh và tri ân những cống hiến to lớn, quan trọng của đồng chí Võ Văn Kiệt đối với sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc; đồng thời, góp phần giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng, lòng yêu nước, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, ý chí, khát vọng vươn lên, cống hiến cho các tầng lớp Nhân dân, nhất là thế hệ trẻ Việt Nam.

Học tập tấm gương đạo đức, trí tuệ, bản lĩnh chính trị, tư duy sáng tạo và gần dân của đồng chí Võ Văn Kiệt, chúng ta nguyện nêu cao ý chí cách mạng, đoàn kết nhất trí, chung sức, chung lòng ra sức phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của người cộng sản, tích cực học tập, nâng cao trình độ mọi mặt, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp đã đề ra, đưa công cuộc đổi mới đất nước giành được những thành tựu mới to lớn hơn, toàn diện hơn, vững bước trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

**BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG**

**ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN**  
**Kỷ niệm 110 năm Ngày sinh đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ**  
**(9/7/1912 - 9/7/2022)**

-----

**I. Khái lược tiểu sử và quá trình hoạt động cách mạng của đồng chí Nguyễn Văn Cừ**

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ sinh ngày 09/7/1912 trong một gia đình nhà nho nghèo, có truyền thống khoa bảng ở làng Phù Khê, xã Phù Khê, huyện Từ Sơn, nay là phường Phù Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, là hậu duệ đời thứ 17 của đại thi hào - danh nhân văn hoá thế giới Nguyễn Trãi.

Năm 1927, Đồng chí tham gia tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên; năm 1928, tham gia vào các phong trào vận động quần chúng đứng lên đấu tranh chống sự áp bức bóc lột của đế quốc và bè lũ tay sai. Vì những hoạt động này, Đồng chí bị đuổi học giữa khóa.

Cuối năm 1928, thực hiện chủ trương “vô sản hóa” của Kỳ bộ Thanh niên Bắc Kỳ, đồng chí Nguyễn Văn Cừ (lúc này lấy tên là Phùng) ra mỏ Vàng Danh làm phu cuốc than để vừa rèn luyện, vừa thâm nhập trong phong trào công nhân, giác ngộ công nhân. Tháng 6/1929, Đông Dương Cộng sản Đảng ra đời, Đồng chí trở thành đảng viên của Đảng và được phân công phụ trách các chi bộ ở Cẩm Phả, Cửa Ông.

Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (tháng 2/1930), Đồng chí được cử là Bí thư đặc khu Hòn Gai - Uông Bí. Đồng chí đã lãnh đạo phong trào cách mạng ở vùng mỏ phát triển mạnh mẽ; trực tiếp tổ chức và chỉ đạo công nhân toàn vùng mỏ đấu tranh nhân ngày Quốc tế lao động 1/5/1930, cờ đỏ búa liềm được cắm trên đỉnh núi Bài Thơ (Hòn Gai), thị trấn Cẩm Phả và nhiều nơi khác.

Tháng 02/1931, trên đường đi công tác từ Cẩm Phả về Hòn Gai, Đồng chí bị thực dân Pháp bắt, đưa về giam ở nhà tù Hỏa Lò; bị kết án tù khổ sai và bị đày đi Côn Đảo.

Năm 1936, trước áp lực của các cuộc đấu tranh mạnh mẽ của Nhân dân ta và phong trào Mặt trận nhân dân Pháp, đồng chí Nguyễn Văn Cừ và một số tù chính trị Côn Đảo được trả tự do. Đồng chí về Hà Nội, tìm bắt liên lạc với tổ chức Đảng, lập ra Ủy ban sáng kiến, có vai trò như Xứ ủy lâm thời Bắc Kỳ. Tại Hội nghị Trung ương Đảng tháng 9/1937, Đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được cử vào Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương.

Tháng 3/1938, tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Đồng chí được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng; tháng 7/1939, Đồng chí viết tác phẩm “Tự chỉ

trích” để đấu tranh tự phê bình và phê bình trong Đảng, chấn chỉnh những tư tưởng lệch lạc, sai trái, thực hiện đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng. Tháng 9/1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Đồng chí đã chỉ đạo đưa Đảng rút vào hoạt động bí mật và tích cực chuẩn bị cho việc chuyển hướng chỉ đạo cách mạng. Tháng 11/1939, trên cương vị Tổng Bí thư của Đảng, Đồng chí triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 6 tại Bà Điểm (Gia Định), quyết định việc thay đổi chiến lược cách mạng và thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ thống nhất Đông Dương.

Giữa lúc phong trào cách mạng của dân tộc đang bước vào thời kỳ mới, ngày 18/1/1940, đồng chí Nguyễn Văn Cừ bị địch bắt tại đường Nguyễn Tân Nghiêm, thành phố Sài Gòn.

Ngày 23/11/1940, sau khi khởi nghĩa Nam Kỳ bùng nổ, thực dân Pháp khép đồng chí Nguyễn Văn Cừ vào tội đã thảo ra “Nghị quyết thành lập Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương”, “Chủ trương bạo động”, là người có trách nhiệm tinh thần trong cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ và kết án tử hình Đồng chí. Ngày 28/8/1941, Đồng chí anh dũng hy sinh tại trường bắn Ngã Ba Giồng, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, thành phố Sài Gòn.

Với 29 tuổi đời, hơn 13 năm tham gia cách mạng, 7 năm bị giam cầm trong nhà tù đế quốc, hơn hai năm làm Tổng Bí thư của Đảng, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã có những cống hiến to lớn cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc ta.

## **II. Những cống hiến to lớn của đồng chí Nguyễn Văn Cừ với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc**

### ***1. Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ với sự thay đổi chiến lược, tạo ra bước ngoặt quan trọng của cách mạng Việt Nam***

Khi nguy cơ chiến tranh thế giới đang đến gần, nhận thấy tình hình quốc tế đang có những chuyển biến bất lợi cho cách mạng, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã sớm đặt vấn đề thay đổi chiến lược của Đảng. Đồng chí đã viết một số bài đăng trên báo Dân chúng như: “Chung quanh vấn đề Nhật chiếm Hải Nam”; “Cùng ông Nguyễn Văn Sâm, chủ nhiệm báo Tự do”... Trong các bài báo đó, Đồng chí đã phân tích tình hình, vạch rõ nguy cơ chiến tranh phát xít ở châu Á và Đông Dương, đồng thời kêu gọi nhân dân đẩy mạnh đấu tranh hơn nữa để chống chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa phát xít. Đầu tháng 9/1939, đồng chí Nguyễn Văn Cừ triệu tập và chủ trì Hội nghị mở rộng Xứ ủy Bắc Kỳ, phổ biến tình hình và quyết định rút một số cán bộ vào hoạt động bí mật, phân công một số cán bộ Xứ ủy và thành ủy Hà Nội đi xây dựng căn cứ ở các địa bàn chiến lược, chuẩn bị cơ sở cho cuộc đấu tranh vũ trang khi có điều kiện.

Ngày 6/11/1939, hai tháng sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ triệu tập Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định), đã phân tích sâu sắc tính chất chiến tranh thế giới thứ hai, những chính sách của đế quốc Pháp, thái độ các giai cấp, tầng lớp xã hội và vạch ra đường lối chính trị của cách mạng Việt Nam trước tình hình mới. Hội nghị nhận định: chiến tranh sẽ gieo đau thương cho nhân loại, nhưng cuối cùng sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới sẽ chiến thắng chủ nghĩa phát xít; lúc này ở Việt Nam và Đông Dương, sự thống trị của đế quốc Pháp đã trở thành một chế độ phát xít thuộc địa, thỏa hiệp đầu hàng phát xít Nhật. Do đó, giải phóng dân tộc khỏi ách đế quốc, dù là Pháp hay Nhật, trở thành nhiệm vụ cấp bách nhất và là mục tiêu chiến lược trước mắt của cách mạng Việt Nam.

Trên cơ sở thống nhất những nhận định và xác định nhiệm vụ chiến lược trong giai đoạn cách mạng mới, Hội nghị chủ trương tập trung mọi lực lượng của dân tộc vào nhiệm vụ chủ yếu là chống đế quốc và ách thống trị của phát xít thuộc địa, Đảng sẽ tiến hành thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận dân chủ không còn thích hợp nữa. Khẩu hiệu ruộng đất về tay dân cày lúc này tạm gác lại, chính sách đề ra là chỉ tịch thu ruộng đất của đế quốc và những địa chủ phản bội quyền lợi của dân tộc. Khẩu hiệu thành lập chính quyền Xô viết công nông binh được thay thế bằng thành lập chính quyền dân chủ cộng hòa. Để phù hợp với tính chất cuộc đấu tranh cách mạng trong giai đoạn mới, phương pháp cách mạng cũng chuyển từ đấu tranh đòi quyền dân sinh dân chủ sang đấu tranh trực tiếp đánh đổ chính quyền của đế quốc và tay sai, từ hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật và không hợp pháp, chuẩn bị điều kiện để tiến tới khởi nghĩa vũ trang.

Quyết định thay đổi chiến lược và thay đổi phương pháp cách mạng trong tình hình mới của Hội nghị Trung ương 6 là rất đúng đắn, sáng suốt, thể hiện tư duy chính trị nhạy bén, năng lực sáng tạo lớn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ. Tính kịp thời và đúng đắn về chủ trương thay đổi chiến lược của Hội nghị Trung ương 6 (11/1939) đã được Trung ương Đảng khẳng định tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 (11/1940) và bổ sung, hoàn thiện tại Hội nghị Trung ương 8 (5/1941). Nhờ đó, phong trào cách mạng Việt Nam có bước phát triển mới mạnh mẽ, tiến tới giành thắng lợi vẻ vang trong cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945.

## ***2. Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ - Nhà lý luận xuất sắc của Đảng***

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ là người có khả năng lý luận sâu sắc và uyên bác. Dưới sự lãnh đạo của Đồng chí, các vấn đề lý luận và thực tiễn được giải quyết một cách sáng tạo, nhuần nhuyễn, phù hợp với quy luật vận động khách quan.

Sáng kiến thành lập Mặt trận dân chủ thống nhất Đông Dương đã cho thấy Đồng chí là người nắm vững chủ nghĩa Mác-Lênin và quan điểm chỉ đạo của Đại hội VII Quốc tế Cộng sản. Từ sự phân tích khoa học, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ và Đảng ta quyết định không áp dụng mô hình Mặt trận bình dân (kiểu Pháp), cũng không rập khuôn mô hình Mặt trận dân tộc phản đế (của Trung Quốc) mà thành lập Mặt trận dân chủ thống nhất. Chỉ có như vậy mới vừa đoàn kết được giai cấp công nhân, nông dân; vừa thu hút được trí thức và các lực lượng theo xu hướng cải cách dân chủ khác.

Để làm rõ và thống nhất trong toàn Đảng về quan điểm nêu trên, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã viết tác phẩm “Các quyền tự do dân chủ với nhân dân Đông Dương”. Trong tác phẩm này, Đồng chí đã đưa ra và giải thích những khái niệm và phạm trù mang tính lý luận như: “Thế nào gọi là tự do dân chủ”, “Tự do dân chủ với dân tộc”, “Tự do dân chủ với giai cấp tư sản”, “Tự do dân chủ với giai cấp vô sản”... Từ việc trả lời những câu hỏi đó, Đồng chí kết luận: “Xứ Đông Dương hàng thế kỷ ở dưới chế độ phong kiến, rồi kể đến chế độ thuộc địa áp bức. Chính sách thuộc địa câu kết với tàn tích phong kiến để thống trị xứ Đông Dương, nên chỉ dân xứ này chưa được hưởng cái mùi tự do dân chủ của hiện đại... Vậy nhân dân Đông Dương muốn có hưởng các quyền tự do ấy, lẽ tất nhiên phải trải qua tranh đấu”. Đồng chí cũng chỉ ra hình thức đấu tranh: “Căn cứ theo những tình hình cụ thể đó, chúng ta có thể dùng phương pháp đấu tranh có tính chất hòa bình - là chính sách lập mặt trận dân chủ thống nhất Đông Dương để thực hiện những yêu cầu ấy”. Tác phẩm “Các quyền tự do dân chủ với nhân dân Đông Dương” đã luận giải được những vấn đề lý luận cơ bản, trên cơ sở đó Đảng ta đưa ra những quyết sách chiến lược, sách lược trong phong trào cách mạng dân chủ.

Năm 1939, trước nguy cơ chủ nghĩa phát xít và Chiến tranh thế giới thứ hai đang đến gần, chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương lăm le trở mặt đàn áp phong trào cách mạng, những phần tử tởtkít giả danh cách mạng cũng ra sức chống phá Đảng; trên cương vị Tổng Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã tiến hành một cuộc đấu tranh sâu rộng trên mặt trận lý luận. Bên cạnh việc vạch rõ chân tướng của bọn tởtkít với giọng điệu cách mạng đầu lười của chúng, Đồng chí đã chỉ ra nguyên tắc liên hiệp giữa Đảng Cộng sản với các đảng khác phái: “Sự liên hệ phải có nguyên tắc, chứ không phải liên hiệp với cả bọn phản động, bọn khiêu khích tởtkít, tay chân phát xít”; và đối với bọn này: “không thể có thỏa hiệp nào, nhượng bộ nào. Phải dùng mọi cách để lật mặt nạ chúng làm tay sai cho chủ nghĩa phát xít, phải tiêu diệt chúng về chính trị”.

Trên phương diện đấu tranh củng cố nội bộ, tháng 6/1939, với bút danh Trí Cường, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã viết và cho in cuốn “Tự chỉ trích”, đóng góp quan trọng vào công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Lần đầu tiên ở Việt Nam, một Tổng Bí thư của Đảng đã viết: “Những người cộng sản

có bốn phận nói sự thật với quần chúng, dẫn đường cho quần chúng chó không phải theo đuôi hay phỉnh họ”. Đồng chí nhấn mạnh, dù có sai lầm, có thất bại cũng “phải có can đảm mở to mắt ra nhìn sự thật”. Phê phán những khuynh hướng thiên tả hoặc thiên hữu của một số cán bộ, đảng viên, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ yêu cầu Đảng phải “Công khai, mạnh dạn, thành thực vạch những nhằm lỗi của mình mà tìm phương châm sửa đổi, chống những xu hướng hoạt đầu thỏa hiệp, như thế không phải làm yếu Đảng mà là làm cho Đảng được thống nhất, mạnh mẽ”.

Tác phẩm “Tự chỉ trích” thể hiện tính minh triết trong tư duy chính trị của một lãnh tụ trẻ tuổi có chiều sâu trong tư duy; phản ánh sự sáng suốt của một tài năng lỗi lạc, dấu ấn đặc biệt của một người cộng sản dù mới chỉ được học tập lý luận chủ yếu trong lao tù đế quốc, nhưng bằng những hoạt động thực tiễn của mình đã khái quát được những vấn đề lý luận cách mạng hết sức sâu sắc, mang tính thời đại và còn nguyên giá trị cho đến ngày nay. Đây cũng là sự đóng góp vô cùng to lớn của Đảng ta trong việc làm giàu hơn kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin từ sự đúc kết thực tế của phong trào cách mạng Việt Nam.

### ***3. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ - Tấm gương sáng ngời về đạo đức cách mạng***

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng, cho lý tưởng cao đẹp của Đảng và Nhân dân ta. Toàn bộ cuộc đời hoạt động cách mạng của Đồng chí là một tấm gương mẫu mực về phẩm chất cao quý của người cộng sản.

Trước hết, phẩm chất cao quý ấy thể hiện ở tinh thần say sưa học tập, rèn luyện và vươn lên không ngừng. Từ lúc bắt đầu hoạt động cách mạng cho đến khi bị thực dân Pháp xử bắn, dù chưa được học ở trường lớp lý luận nào nhưng bằng niềm tin và nghị lực, Đồng chí đã trang bị cho mình những hiểu biết sâu rộng về khoa học chính trị và trở thành lãnh tụ cao nhất của Đảng.

Không quản ngại gian khổ, hiểm nguy, thông qua thực tiễn đấu tranh để rèn luyện, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã kết hợp nhuần nhuyễn giữa thực tế phong phú với lý luận khoa học, giải quyết đúng đắn những yêu cầu của cách mạng đề ra, nhất là trong những hoàn cảnh khẩn trương, phức tạp. Trong cuộc vận động dân chủ 1936-1939, Đảng ta gặp nhiều trở lực, khó khăn: kẻ thù luôn tìm cách đàn áp, bọn tởrốtkit khiêu khích, phá hoại, một số cán bộ, đảng viên của Đảng bộc lộ những khuynh hướng sai lầm “tả” khuynh, hữu khuynh trong chiến lược, sách lược, lệch lạc trong nhận thức... Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhân dân ta đã đoàn kết, tạo nên một cao trào cách mạng sôi nổi với hàng triệu quần chúng tham gia; đặt tiền đề cho cách mạng Việt Nam bước vào giai đoạn phát triển mới - cao trào vận động giải phóng dân tộc. Thành công đó có cống hiến to lớn về trí tuệ, tâm huyết của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ.

Không chỉ là tấm gương sáng về tinh thần tự học tập, rèn luyện trong thực tiễn, đồng chí còn là hình ảnh tiêu biểu của người cán bộ cách mạng liên hệ, gần bó máu thịt với quần chúng. Bất kỳ ở đâu, sống giữa những người phu mỏ, hay bà con nông dân vùng miệt vườn Nam Bộ, khi đi “vô sản hóa”, khi mới là đảng viên, hay lúc đã giữ cương vị Tổng Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Cừ luôn gương mẫu trong cuộc sống; gần gũi, tin tưởng ở quần chúng; có khả năng tập hợp, đoàn kết, động viên quần chúng tham gia cách mạng. Đồng chí cũng luôn nêu cao tinh thần bảo vệ Đảng, bảo vệ khối đoàn kết thống nhất trong Đảng, phát huy tự phê bình và phê bình để xây dựng Đảng vững mạnh, giữ vững vai trò tiên phong của Đảng, làm cho Đảng thống nhất về tư tưởng, tổ chức và hành động.

Trước kẻ thù và những phần tử phản động, Đồng chí luôn kiên quyết đấu tranh không khoan nhượng. Bị giặc bắt, qua nhiều trận đòn roi, tra tấn dã man của kẻ thù; mặc dù thể trạng không được khỏe, bệnh sốt rét biến chứng ngày càng nặng, nhưng Đồng chí vẫn tỏ rõ khí tiết, nêu cao tinh thần kiên trung. Hình ảnh Đồng chí hiên ngang, lẫm liệt bước ra pháp trường cùng với nhiều cán bộ lãnh đạo khác của Đảng đã trở thành tấm gương lớn về thái độ bất khuất trước kẻ thù và khí phách can trường của người cộng sản.

Khi được hỏi vì sao Trung ương bầu đồng chí Nguyễn Văn Cừ làm Tổng Bí thư khi Đồng chí chỉ vừa 26 tuổi, ít tuổi hơn nhiều so với các đồng chí khác, đồng chí Lê Duẩn trả lời: Bởi đồng chí Nguyễn Văn Cừ là một trí tuệ lỗi lạc của Đảng, rất sắc sảo và nhạy bén về chính trị, lại có khả năng đoàn kết, thuyết phục anh em, là một người cộng sản có phẩm chất đạo đức rất trong sáng, được mọi người kính phục.

Tuy tuổi đời và sự nghiệp ngắn ngủi nhưng đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã để lại cho Đảng và dân tộc ta một tấm gương sáng ngời về đạo đức cách mạng; về lòng tin mãnh liệt ở lý tưởng cách mạng cao đẹp, tình thương yêu, quý mến giai cấp công nhân và Nhân dân lao động; sống giản dị, chan hòa cùng với Nhân dân, vì Nhân dân.

### **III. Học tập quan điểm tự phê bình và phê bình của đồng chí Nguyễn Văn Cừ trong tác phẩm “Tự chỉ trích”**

Trong hơn 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện; đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Bước vào giai đoạn phát triển mới, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, đất nước ta tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, bốn nguy cơ mà Đảng đã chỉ ra vẫn đang hiện hữu, có mặt còn gay gắt hơn; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” còn diễn biến phức tạp.

Kỷ niệm 110 năm Ngày sinh Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ trong bối cảnh toàn Đảng đang nỗ lực thực hiện tốt các Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII và Kết luận số 21-KL/TW của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tư khóa XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; gắn với thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị khóa XIII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đây là dịp để chúng ta học tập tấm gương đạo đức cách mạng sáng ngời của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, đó là, không ngừng nâng cao đạo đức cách mạng, luôn có niềm tin mãnh liệt vào lý tưởng cách mạng cao đẹp, yêu thương, gần gũi, hòa mình với giai cấp công nhân và nhân dân lao động; không quản ngại gian khổ, hiểm nguy, nỗ lực học tập, rèn luyện, nêu cao tinh thần bảo vệ Đảng, bảo vệ khối đoàn kết, thống nhất trong Đảng, phát huy vai trò tiên phong của Đảng.

Thành kính và tri ân công lao, đóng góp của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam; mỗi cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên cần tiếp tục học tập, vận dụng tinh thần, tư tưởng tự phê bình và phê bình nêu trong tác phẩm “Tự chỉ trích” góp phần xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, tổ chức và cán bộ. Đó là:

*“Chúng ta phải biết nhìn nhận những khuyết điểm về chủ quan mà chính chúng ta gây ra, chúng ta phải hoàn toàn chịu trách nhiệm”.*

*“...Không phải đặt cá nhân mình lên trên Đảng, đem ý kiến riêng - dù cho đúng - đối chọi với Đảng, vin vào một vài khuyết điểm mà mạt sát Đảng, phá hoại ảnh hưởng của Đảng, gieo mối hoài nghi, lộn xộn trong quần chúng, gây mầm mống chia rẽ trong hàng ngũ Đảng”.*

*“Phải cần làm cho các đảng viên giác ngộ, rõ ràng và đầy đủ trách nhiệm của mình, biết xoay phương hướng trong những hoàn cảnh khó khăn, nghiêm trọng, biết tự chỉ trích đúng và kịp thời những khuyết điểm, sai lầm...”.*

*“Thống nhất tư tưởng, thống nhất hành động”.*

**BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG**